TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**
TỈNH LONG AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2024/DS-PT.
Ngày: 26-6-2024
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Ông Đặng Văn Những

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 06 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

1.1. Bà Nhan Thị S, sinh năm 1946. Địa chỉ: số C H, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (chết ngày 23/4/2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S:

- Ông Nguyễn Ngọc Nhan H, sinh năm 1972. Địa chỉ: số B T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Vũ Văn H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: số C H, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc N H1 và ông Vũ Văn H1: Ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1966. Địa chỉ: số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2024).

1.2. Bà Nhan Thị N1, sinh năm 1949 (chết ngày 02/11/2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà N1: ông Nhan Kim H2, sinh năm: 1971. Địa chỉ: số E Lô C, phường A, Quận B, Thành phố H.

1.3. Bà Nhan Thị L, sinh năm 1953.

1.4. Bà Nhan Thị M, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: số G B, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Bà Nhan Thị N2, sinh năm 1951.

1.6. Ông Phan Văn O, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: số A B, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: là ông Ngô Ngọc T, sinh năm 1966. Địa chỉ: số E M, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nhan Thị H3, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.2. Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.3. Ông Lê Huy C, sinh năm 1974

2.4. Ông Lê Huy K, sinh năm 1977

2.5. Bà Lê Thị Tuyết M1, sinh năm 1980

2.6. Bà Lê Thị Tuyết N3, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền các (ông bà) P, C, T1, K, M1: Bà Lê Thị Tuyết N3, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2022).

2.7. Bà Nhan Thị E, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Tố U, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Bà Lê Thị Tố N4, sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3. Ông Lê Quốc B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.4. Bà Lê Thị Phương T2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.5. Bà Hồ Thị Kim H4, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các (ông bà) Lê Thị Tố U, Lê Thị Tố N4, Lê Quốc B, Lê Thị Phương T2 và Hồ Thị Kim H4: Bà Nhan Thị H3, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền số 3640 ngày 23/8/2022).

3.6. Bà Lê Linh Đ, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Bà Lê Thị Tuyết N3, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2004).

3.7. Bà Bùi Thu Tuyết T3, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thu Tuyết T3: Là bà Lê Thị Tuyết N3, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2022).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện Đ. Địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường C1 – Chức vụ: Chủ tịch.

3.9. Bà Trương Thị N5, sinh năm 1940

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.10. Bà Nguyễn Thị Trúc N6, sinh năm 1990

3.11. Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1991

3.12. Bà Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1987

3.13. Ông Nguyễn Đăng K1, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các (ông bà) N6, V, L1 và K1: Bà Nhan Thị E, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2022).

4. Người kháng cáo: Các bị đơn bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26 tháng 5 năm 2022 của các nguyên đơn và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất của bà Võ Thị T4 có diện tích 4.000 m^2 đất thổ và 5.000m^2 đất LUA. Sau khi bà T4 chết, phần đất Lúa chia cho 05 người con gồm Nhan Văn Đ1 (có con là ông Nhan Phước T5), Nhan Thị N7, Nhan Thị Đ2, Nhan Thị

H5 (có con là bà Trương Thị N5), Nhan Văn T6 (có các con là Nhan Thị C2, Nhan Thị H3 và Nhan Thị E). Đối với phần đất thổ cư thì ông Nhan Văn T6 (con của bà T4) chuyển nhượng lại cho bà Nhan Thị N7 diện tích 2.000m^2 vào năm 1954, phần đất thổ còn lại các hộ chia nhau sử dụng, trong đó có thửa 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ do ông Nhan Phước T5 đứng tên sổ mục kê. Ông T5 đã quản lý, sử dụng diện tích đất 266m^2 để cất nhà ở ổn định từ năm 1977. Phần còn lại tại thửa đất số 448 thì trên đất có hai cái ao do ông T5 đào để nuôi cá cập đường tỉnh 824. Quá trình sử dụng đất ông T5 sử dụng 01 cái ao để nuôi cá, còn 01 cái ao ông T5 cho bà Nhan Thị H5 mượn sử dụng để nuôi cá. Khi nuôi cá thì bà H5 có hùn với bà C2 để nuôi. Năm 1982, bà H5 chết, ông T5 đòi lại cái ao nhưng bà C2 không trả.

Từ đó, ông T5 và bà C2 tranh chấp, ông T5 khiếu nại đến UBND xã Đ. Tại các biên bản giải quyết của UBND xã Đ ngày 08/9/1995 và 18/9/1995 thì ông Nhan Phước T5 và bà Trương Thị N5 đồng ý chia thửa đất 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ làm 03 phần bằng nhau, nhưng bà C2 chỉ đồng ý giao lại cho ông Thành phần đất ao, do đó hòa giải không thành nên việc giải quyết kéo dài từ năm 1995 đến nay. Tuy nhiên, phần đất của bà N5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002, Nhà nước mở rộng đường tỉnh 824 đi ngang qua thửa đất số 448 giải tỏa hết diện tích 218,13m^2, nằm trong phần đất mà bà C2 và ông T5 tranh chấp, khi thực hiện kê biên cơ quan chức năng thể hiện là tài sản của ông T5, nhưng sau đó bà C2 lại được nhận tiền bồi thường với diện tích 218,13m^2. Ngày 12/12/2003, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 2623/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp giữa ông Nhan Phước T5 và bà Nhan Thị C2 có nội dung "*Bác đơn khiếu nại của ông T5, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 243 m^2, thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ cho bà C2*". Sau khi nhận được quyết định này, ông T5 không đồng ý nên khiếu nại đến UBND tỉnh L. Kết quả giải quyết khiếu nại UBND tỉnh L bác đơn khiếu nại của ông T5, giữ nguyên quyết định của UBND huyện Đ. Ngày 28/7/2006, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nhan Thị C2 đối với diện tích đất 1.941 m^2 tại thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ và diện tích đất 243m^2 được UBND tỉnh L công nhận. Tuy nhiên, diện tích đất 1.941m^2 thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ do ông Nhan Phước T5 đứng tên sổ mục kê. Đối với diện tích đất 243 m^2 bà C2 đã được nhận tiền đền bù 218,13m^2. Do đó, việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C2 là không đúng đối tượng vì diện tích đất thực tế còn lại của bà C2 là 24,87m^2. Đến năm 2009, UBND huyện Đ kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C2 đối với diện tích 1.941m^2 phát hiện đã cấp nhầm đất cho bà Nhan Thị C2, nên ra quyết định thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 28/7/2006 diện tích 1.941m^2.

Năm 2010, ông Nhan Phước T5 là cha của các (ông bà) Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1 ủy quyền cho ông Ngô Ngọc T khiếu nại đến UBND huyện Đ đòi quyền sử dụng đất với bà Nhan Thị C2, bà Nhan Thị H3 và bà Nhan Thị E tại thửa đất số 448, thuộc tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, ông T5 đang sử dụng diện tích đất 266m^2 cất nhà ở tại một phần thửa đất số 448 và ông T5 cũng đang sử dụng phần đất ao trũng thuộc phần thửa đất số 448, giáp đường tỉnh 824, ông T5 yêu cầu UBND huyện Đ công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T5. Khiếu nại chưa được giải quyết thì năm 2011, ông T5 chết và các nguyên đơn gồm ông bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 tiếp tục ủy quyền cho ông Ngô Ngọc T đại diện khiếu nại diện tích đất tại thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 16/4/2014 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định số 3067/QĐ-CT có nội dung: "*Bác đơn khiếu nại của ông (bà) Sảnh, N1, N2, L, M và O1 phần đất có diện tích 701m^2 lý do ông Nhan Văn T6 đã sử dụng 1970, ông T6 chết để lại cho các con ông N8 sử dụng đến nay .*

Công nhận quyền sử dụng đất cho các con ông Nhan Phước T5 diện tích 266m^2, tại một phần thửa số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ,

Công nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3, Nhan Thị E diện tích 701m^2, loại ONT, thuộc một phần thửa đất 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ".

Qua xem xét quyết định trên của Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành, các nguyên đơn đồng ý nhận diện tích đất 266m^2, còn lại 701m^2 công nhận cho bà C2, bà H3 và bà E, các nguyên đơn không đồng ý và tiếp tục khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định số 3067/QĐ-CT ngày 16/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Tại bản án số 18/2014/HC-ST ngày 18/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên xử: "*Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và ông Nhan Văn O1 về việc yêu cầu hủy quyết định 3067/QĐ-CT ngày 16/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 701m^2 thuộc phần thửa số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, loại đất ONT, tọa lạc tại Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3, Nhan Thị E*" các nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm đã tuyên và kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 11/2015/HC-PT ngày 02/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

"*Chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị S,*

Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 18/2014/HC-ST ngày 18/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Hủy quyết định hành chính số 3067/QĐ-CT ngày 16/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 701m^2, thuộc phần thửa 448, tờ bản đồ số 27, loại đất ONT, tọa lạc ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3, Nhan Thị E ".

Ngoài ra, năm 2013 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 4195/QĐ-UB ngày 28/7/2006 của UBND huyện Đ. Tại bản án số 16/2013/HC-ST ngày 21/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tuyên xử: "*Hủy một phần quyết định số 4195/QĐ-UB ngày 28/7/2006 của UBND huyện Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 34 hộ, trong đó có hộ bà Nhan Thị C2 diện tích 243m^2 tại thửa đất số 748, tờ bản đồ số 27, xã Đ*".

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của ông bà để lại tại thửa đất 448, thuộc tờ bản đồ số 27, xã Đ làm hai phần bằng nhau. Phần ông Nhan Phước T5 có các nguyên đơn thừa hưởng ½ diện tích; phía chị em của bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3 và Nhan Thị E ½ diện tích.

Bị đơn các bà Nhan Thị H3, Nhan Thị E và các con bà Nhan Thị C2 (Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K, Lê Thị Tuyết M1 và Lê Thị Tuyết N3) thống nhất trình bày: Ông Nhan Văn T6 (cha của các bà C2, bà H3 và bà E) và ông Nhan Văn Đ1 (cha ông Nhan Phước T5) là anh em ruột con của bà Võ Võ Thị T4. Các bà C2, H3, E và ông Nhan Phước T5 cùng gọi bà Võ Thị T4 là bà nội. Các bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 là các con của ông Nhan Phước T5. Quyền sử dụng đất tại thửa số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do bà T4 để lại cho ông Nhan Văn T6 sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, còn ông Nhan Phước T5 (con ông Nhan Văn Đ1) sử dụng diện tích đất 266m^2 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và đã bán không còn. Trên thửa đất số 448, tờ bản đồ 27, xã Đ hiện nay chỉ có phần đất là 1/2 cái ao phía trước nhà của bà H3 là của ông Nhan Phước T5. Các ông bà đồng ý giao lại cho các con của ông T5 là các bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 ½ diện tích cái ao theo ranh các bà đã chỉ mà Tòa án tiến hành đo đạc. Ngoài ra, các ông bà không đồng ý chia đôi quyền sử dụng đất tại thửa số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ có Văn bản số 3333/UBND-NC ngày 06/4/2021 thể hiện nội dung: Nguồn gốc diện tích đất 218,13 m^2, thuộc thửa đất số 447 (nay là thửa 748) và diện tích 701m^2 thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An có nguồn gốc là

của bà Võ Thị T4. Phần đất nói trên từ năm 1995 đến nay các nguyên đơn và bị đơn tranh chấp liên tục. Theo sổ mục kê do UBND xã Đ lập ngày 14/12/2001 thể hiện thửa đất 448, tờ bản đồ số 27, tại xã Đ, huyện Đ không ghi tên cá nhân hay tổ chức nào. Do đó, UBND huyện Đ không có căn cứ để cung cấp thông tin cho Tòa án. Quan điểm của UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Trúc L1, Nguyễn Thị Trúc N6, Nguyễn Thị Thúy V1, Nguyễn Đăng K1 ủy quyền cho bà Nhan Thị E có trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà E, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Tố U, bà Lê Thị Tố N4, ông Lê Quốc B, bà Lê Thị Phương T2 và bà Hồ Thị Kim H4 ủy quyền cho bà Nhan Thị H3 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H3, không có ý kiến khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 98, Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 219, Điều 688 luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các (ông bà) Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất*" với Lê Thị Tuyết N3, Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K và Lê Thị Tuyết M1, bà Nhan Thị H3 và Nhan Thị E.

2. Buộc bà Nhan Thị H3 phải trả cho các nguyên đơn Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 số tiền 5.527.800.000 đồng.

3. Buộc bà Lê Thị Tuyết N3, bà Lê Thị Tuyết P, bà Lê Huy C, bà Lê Huy K và bà Lê Thị Tuyết M1 trả cho các nguyên đơn Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 số tiền 2.745.474.000 đồng.

4. Các nguyên đơn Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 được sở hữu số tiền 5.527.800.000 đồng + 2.745.474.000 đồng = 8.273.274.000 đồng.

5. Bà Nhan Thị H3 được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An diện tích là 732,6m^2 thuộc

khu A + B, loại đất ONT. Vị trí đất được đính kèm theo Mảnh trích đo phân khu do Công ty TNHH Đ3 phân khu ngày 14/7/2023 dựa trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ3 lập, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 13/7/2020.

6. Các con bà Nhan Thị C2 là bà Lê Thị Tuyết N3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K và bà Lê Thị Tuyết M1 được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An diện tích là 582,1m^2 thuộc khu C + D + E + F, loại đất ONT. Vị trí đất được đính kèm theo Mảnh trích đo phân khu do Công ty TNHH Đ3 phân khu ngày 14/7/2023 dựa trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ3 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 13/7/2020.

7. Bà Nhan Thị E được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với diện tích là 181,5m^2, thuộc khu G, loại đất ONT. Vị trí đất được đính kèm theo Mảnh trích đo phân khu do Công ty TNHH Đ3 phân khu ngày 14/7/2023 dựa trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH Đ3 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 13/7/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bị đơn không rút đơn kháng cáo và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Các bên đương sự không đề nghị thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các nguyên đơn Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 cho rằng đây là tài sản của bà Võ Thị T4 chết để lại cho ông Nhan Văn Đ1, ông Nhan Văn Đ1 chết để lại cho ông Nhan Văn T7, ông Nhan Văn T7 chết để lại cho các nguyên đơn. Bị đơn bà Nhan Thị H3, Nhan Thị E và các con bà Nhan Thị C2 cho rằng đây là tài sản của bà Võ Thị T4 chết để lại cho ông Nhan Văn T6, ông Nhan Văn T6 chết để lại cho bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn trình bày phần đất này do bà Võ Thị T4 chết để lại cho cha của nguyên đơn và bị đơn nhưng các bên đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 11/2015/HC-PT ngày

02/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã có hiệu lực pháp luật đã nhận định không có đủ cơ sở khẳng định phần đất hiện các bên tranh chấp là của ông Nhan Văn T6 để lại cho các bà Nhan Thị C2, bà Nhan Thị H3, bà Nhan Thị E. Từ đó, bản án Hành chính phúc thẩm hủy một phần Quyết định số 3067/QĐ-CT ngày 16/4/2014 của UBND huyện Đ đối với diện tích đất 701m^2 đã công nhận cho bà Nhan Thị C2, bà Nhan Thị H3, bà Nhan Thị E.

Về quá trình sử dụng đất: Các bị đơn thừa nhận ông Nhan Phước T5 đào 01 cái ao nuôi cá từ năm 1977, ông Nguyễn Văn T8 -Trưởng ấp B, xã Đ xác định phần đất sân nhà của bị đơn và ao phía trước là của ông Nhan Phước T5 sử dụng từ năm 1977, sổ mục kê cũng ghi nhận thửa đất số 448 là của ông Nhan Phước T5.

Như vậy, không có đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của ông Nhan Văn T6 hay ông Nhan Văn Đ1 mà xác định phần đất tranh chấp là của bà Võ Thị T4 chết để lại chưa chia và do ông Nhan Văn T6 và ông Nhan Văn Đ1 cùng quản lý, sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà Trương Thị N5 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ phù hợp với pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Kháng cáo của bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất diện tích 1.496,6m^2, loại đất ONT, thuộc thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Phía các bị đơn chỉ đồng ý giao lại cho các nguyên đơn ½ cái ao có diện tích 120,7m^2 theo Mảnh trích đo

phân khu ngày 14/7/2023 của Công ty TNHH Đ3 phân khu dựa trên Mảnh trích do được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 13/7/2020.

[2.1] Xét thấy, các nguyên đơn Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị N2, Nhan Thị L, Nhan Thị M và Nhan Văn O1 cho rằng đây là tài sản của bà Võ Thị T4 chết để lại cho ông Nhan Văn Đ1, ông Nhan Văn Đ1 chết để lại cho ông Nhan Văn T7, ông Nhan Văn T7 chết để lại cho các nguyên đơn. Các bị đơn bà Nhan Thị H3, Nhan Thị E và các con bà Nhan Thị C2 cho rằng đây là tài sản của bà Võ Thị T4 chết để lại cho ông Nhan Văn T6, ông Nhan Văn T6 chết để lại cho bị đơn. Xét thấy, các nguyên đơn và các bị đơn đều xác định quyền sử dụng đất tranh chấp này là của bà Võ Thị T4 chết để lại cho cha của các nguyên đơn và các bị đơn, nhưng cả hai bên đều chỉ trình bày mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc được cho riêng đất.

[2.2] Xét quá trình giải quyết tranh chấp của các nguyên đơn và các bị đơn kéo dài trong vụ án hành chính cụ thể. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 11/2015/HC-PT ngày 02/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đang có hiệu lực pháp luật, đã nhận định bà Nhan Thị C2 thừa nhận ông Nhan Phước T5 đào một cái ao để thả cá từ năm 1977 cho tới nay, các bà C2, bà H3, bà E cũng thừa nhận từ năm 1977 đến khi qua đời, ông T5 sử dụng một phần đất tranh chấp để đào ao nuôi cá; những người làm chứng là ông Nguyễn Văn T8, ông Võ Văn H6 là trưởng ấp B, xã Đ, huyện Đ đều xác định phần đất tranh chấp này do ông Nhan Phước T5 trực tiếp sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, nên bản án phúc thẩm nhận định "không đủ cơ sở để khẳng định phần đất 701m^2 thuộc một phần thửa đất 448, tờ bản đồ số 27 là của ông Nhan Văn T6 để lại từ năm 1970 cho các bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3, Nhan Thị E sử dụng từ đó cho đến nay như Quyết định số 3067/QĐ-CT của Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành. Do đó, quyết định nói trên không phù hợp với quy định của pháp luật (không đúng thực tế quá trình sử dụng đất)". Từ đó, bản án Hành chính phúc thẩm hủy một phần Quyết định số 3067/QĐ-CT ngày 16/4/2014 của UBND huyện Đ đối với diện tích đất 701m^2 đã công nhận cho bà Nhan Thị C2, bà Nhan Thị H3, bà Nhan Thị E.

[2.3] Ngoài ra, theo các con của bà C2 do bà N3 đại diện, bà H3, bà E xác định ông Nhan Phước T5 là cha các nguyên đơn có cùng sử dụng thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ phần đất ao phía trước nhưng chỉ ½ cái ao diện tích khoảng hơn 120,7m^2. Tuy nhiên, theo các lời trình bày của bà Võ Thị H7 và ông Ngô Quốc Q xác nhận là ông T5 có sử dụng đất do thân tộc chia gồm phần đất tôn nền và phần ao trũng giáp đường tỉnh 824. Năm 1995, khi ông Nhan Phước T5 tranh chấp quyền sử dụng đất với các bị đơn về yêu cầu chia

quyền sử dụng đất tại thửa đất số 448 làm ba phần bằng nhau, phía bị đơn đồng ý chia nhưng sau này thay đổi không thực hiện chia.

[2.4] Từ đó, có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của bà Võ Thị T4 chết để lại chưa chia và do ông Nhan Văn T6 và ông Nhan Văn Đ1 cùng quản lý, sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm nhận định do quá trình sử dụng đất của bà Nhan Thị C2, Nhan Thị H3 và Nhan Thị E (là các bị đơn) sử dụng ổn định, lâu dài hơn phía nguyên đơn nên xem xét chia cho các bị đơn 2 phần, các nguyên đơn 1 phần diện tích đất tranh chấp và các bị đơn đã quản lý sử dụng đất ổn định nên cần tiếp tục giao quyền sử dụng đất đang tranh chấp cho các bị đơn. Từ đó, các bị đơn phải có trách nhiệm hoàn lại cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất phần các nguyên đơn được chia như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm cách tuyên án chưa cụ thể, để đảm bảo việc thi hành bản án, nên cần phải sửa cách tuyên án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3 được miễn án phí; bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 phải chịu án phí, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 98, Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 219, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử đất*" với Lê Thị Tuyết N3, Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K và Lê Thị Tuyết M1, bà Nhan Thị H3 và Nhan Thị E.

1.1. Buộc bà Nhan Thị H3 phải trả cho bà Nhan Thị S có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là ông Võ Văn H8 và ông Nguyễn Ngọc Nhan H, bà Nhan Thị N1 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là ông Nhan Kim H2, bà Nhan Thị N2, bà Nhan Thị L, bà Nhan Thị M và ông Nhan Văn O1 số tiền 5.527.800.000 đồng (năm tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

1.2. Buộc bà Lê Thị Tuyết N3, bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K và bà Lê Thị Tuyết M1 trả cho bà Nhan Thị S có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là ông Võ Văn H8 và ông Nguyễn Ngọc Nhan H, bà Nhan Thị N1 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là ông Nhan Kim H2, bà Nhan Thị N2, bà Nhan Thị L, bà Nhan Thị M và ông Nhan Văn O1 số tiền 2.745.474.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

1.3. Bà Nhan Thị H3 được tiếp tục quản lý, sử dụng và được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích đất đo thực tế là 732,6m^2, loại đất ONT, tại vị trí khu A và B thuộc một phần thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cùng toàn bộ công trình, vật kiến trúc có trên đất.

1.4. Các (ông bà) Lê Thị Tuyết N3, Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K và Lê Thị Tuyết M1 được tiếp tục quản lý, sử dụng và được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích đất đo thực tế là 582,5m^2, loại đất ONT, tại vị trí khu C + D + E + F thuộc một phần thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cùng toàn bộ công trình, vật kiến trúc có trên đất.

1.5. Bà Nhan Thị E được tiếp tục quản lý, sử dụng và được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích đo thực tế là 181,5m^2, loại đất ONT, tại vị trí khu G thuộc một phần thửa đất số 448, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cùng toàn bộ công trình, vật kiến trúc có trên đất.

1.6. Bà Nhan Thị H3; các (ông bà) Lê Thị Tuyết N3, Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K và Lê Thị Tuyết M1; bà Nhan Thị E được liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng và diện tích đất thực tế sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Vị trí, tứ cận các khu đất theo Mảnh trích đo phân khu do Công ty TNHH Đ3 thực hiện ngày 14/7/2023 dựa trên Mảnh trích đo do Công ty TNHH

Đ3 lập được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 13/7/2020.

Văn phòng đăng ký đất đai, C3, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Các ông bà Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1 phải chịu 25.666.000 đồng (đã nộp xong). Các (ông bà) Nhan Thị H3, Nhan Thị E mỗi người phải nộp 17.111.000 đồng để hoàn trả cho các nguyên đơn. Các (ông bà) Lê Thị Tuyết N3, Lê Thị Tuyết P, Lê Huy C, Lê Huy K và Lê Thị Tuyết M1 phải liên đới nộp 17.111.000 đồng để hoàn trả cho các (ông bà) Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N9 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các (ông bà) Lê Thị Tuyết N3, bà Lê Thị Tuyết P, bà Lê Huy C, bà Lê Huy K và bà Lê Thị Tuyết M1 phải liên đới nộp 115.971.087 đồng án phí sơ thẩm. Các (ông bà) Nhan Thị S, Nhan Thị N1, Nhan Thị L, Nhan Thị M, Nhan Thị N2 và Nhan Văn O1, Nhan Thị H3 và Nhan Thị E được miễn án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Bà Lê Thị Tuyết P, ông Lê Huy C, ông Lê Huy K, bà Lê Thị Tuyết M1, bà Lê Thị Tuyết N3 phải chịu mỗi người 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà các (ông bà) đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0002823, 0002824, 0002822, 0002821, 0002825 cùng ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4.2. Bà Nhan Thị E, bà Nhan Thị H3 được miễn án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP . HCM;
-VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng